



2012

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ
PHẦN XÂY DỰNG
VÀ KINH DOANH
VẬT TƯ



Danh mục viết tắt

BDS:	bất động sản
BKS:	Ban Kiểm Soát
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
Công ty C&T:	Công ty cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư
CP:	cổ phần
ĐHĐCĐ:	Đại Hội Đồng Cổ Đông
HĐQT:	Hội đồng quản trị
QLDA:	quản lý dự án
SXKD:	sản xuất kinh doanh
TGD:	Tổng Giám Đốc
TTLKCK:	trung tâm lưu ký chứng khoán
UBND:	Ủy ban nhân dân



MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH	5
I. THÔNG TIN CHUNG	7
1. Thông tin khái quát	7
2. Quá trình hình thành và phát triển	7
2.1. Quá trình hình thành và phát triển	7
2.2. Cổ phần hóa	8
2.3. Niêm yết.....	8
2.4. Tăng vốn điều lệ.....	8
2.5. Một số thành tích đạt được	9
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	9
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	9
4.1. Mô hình quản trị.....	9
4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý	9
4.3. Các công ty con và công ty liên kết.....	11
5. Mục tiêu và định hướng phát triển 5 năm (2013-2018).....	11
5.1. Mục tiêu	11
5.2. Chiến lược phát triển.....	11
5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội, và cộng đồng của Công ty	12
6. Các rủi ro.....	12
6.1. Rủi ro kinh tế vĩ mô	12
6.2. Rủi ro về luật pháp.....	14
6.3. Rủi ro cạnh tranh.....	14
6.4. Rủi ro tín dụng	15
6.5. Rủi ro thanh khoản.....	15
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012	15



1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	15
2. Tổ chức và nhân sự	17
2.1. Danh sách Ban Điều Hành.....	17
2.2. Những thay đổi trong Ban Điều Hành.....	21
2.3. Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động	21
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	23
3.1. Tình hình thực hiện đầu tư các dự án.....	23
3.2. Các công ty con, công ty liên kết.....	24
4. Tình hình tài chính	28
4.1. Tình hình tài chính	28
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	28
5. Thông tin cổ đông	29
5.1. Cổ phần	29
5.2. Cơ cấu cổ đông	29
5.3. Phát hành trái phiếu riêng lẻ	30
6. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc và thành viên Ban Kiểm Soát.....	30
6.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích	30
6.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.....	31
III. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	32
1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty	32
1.1. Lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu.....	32
1.2. Lĩnh vực xây lắp	32
1.3. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp.....	32
1.4. Lĩnh vực kinh doanh BĐS và đầu tư dự án.....	33
1.5. Quản lý tài chính.....	33
1.6. Tổ chức nhân sự.....	34
2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2012.....	34



2.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT	34
2.2 Các tiểu ban thuộc HĐQT: không có.....	35
2.3 Hoạt động của HĐQT	35
3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc Công ty.....	37
4. Các kế hoạch, định hướng của Hội Đồng Quản Trị	38
IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	39
1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty C&T.....	39
2. Tình hình tài chính.....	41
2.1. Tình hình tài sản.....	41
2.2. Tình hình nợ phải trả.....	41
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	42
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	43
4.1. Kế hoạch SXKD năm 2013 của Công ty	43
V. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	46
1. Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm Soát.....	46
2. Hoạt động của Ban Kiểm Soát.....	46
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	47



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH

Kính thưa các quý vị cổ đông cùng toàn thể CBCNV Công ty C&T.

Ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế được lạm phát là hai thành quả rõ nét nhất của kinh tế Việt Nam trong năm 2012. Nhưng bên cạnh đó, cơn bão khủng hoảng và suy thoái đã đẩy các doanh nghiệp Việt Nam trước muôn vàn khó khăn, thách thức.

Với Công ty C&T, hầu như tất cả các lĩnh vực SXKD đều bị ảnh hưởng trực tiếp và nghiêm trọng, mặc dù HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và tập thể CBCNV đã nỗ lực bằng hết sức mình để chống chọi với mọi tình huống, vượt qua những khó khăn, với nhiều biện pháp quyết liệt trong quản lý và điều hành, tiết giảm chi phí, tăng cường kiểm soát rủi ro, cơ cấu lại tài chính và tập trung cơ cấu tổ chức nhân sự ... duy trì sự ổn định cho mọi hoạt động và giữ uy tín thương hiệu C&T trên thương trường. Tuy nhiên, hiệu quả SXKD năm 2012 phần nào đã làm giảm lòng tin của các cổ đông và tăng thêm những khó khăn cho doanh nghiệp trong năm 2013.

Kính thưa quý vị!

Trước mắt chúng ta, năm 2013 được dự báo với những thách thức mới, nặng nề hơn.

HĐQT Công ty đã điều chỉnh định hướng kế hoạch năm 2013 và trong 5 năm tới với những tiêu chí phù hợp với tình hình thực tế. Bên cạnh đó, các giải pháp cụ thể sẽ được thực hiện như sau:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu là ngành nghề chính cần được duy trì ổn định, chú trọng mục tiêu an toàn.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh của khối xây lắp thông qua việc gắn kết chặt chẽ với khối kinh doanh vật liệu xây dựng – khối sản xuất bê tông – khai thác đá; đầu tư chuyên sâu cho thiết bị – nhân sự và củng cố và tăng cường liên kết với các đơn vị cùng ngành, tập trung tham gia các dự án có nguồn vốn tốt.
- Đầu tư nâng cao công suất khai thác đá, đa dạng sản phẩm bê tông dự ứng lực và bê tông đúc sẵn.
- Các dự án đầu tư BĐS, bằng mọi hình thức hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp, đối tác trong và ngoài nước nhằm thoái bớt vốn ở các dự án. Cùng các đối tác chuẩn



bị mọi điều kiện về thủ tục pháp lý, về năng lực tài chính, năng lực tiêu thụ sản phẩm để có thể triển khai khi có cơ hội thuận lợi.

- Đẩy mạnh quá trình tái cấu trúc trong toàn bộ doanh nghiệp nhằm đạt tiêu chí:
- Khai thác hiệu quả các nguồn lực.
 - Đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
 - Tăng cường kiểm soát rủi ro trong từng lĩnh vực.
 - Linh hoạt ứng phó khi môi trường và các nguồn lực thay đổi.

Kính thưa quý vị cổ đông,

Chặng đường hơn 30 năm hình thành và phát triển đủ để từng thành viên trong gia đình C&T tự tin vào kinh nghiệm và năng lực của mình. Những thành quả mà chúng ta đạt được có thể là chưa lớn, nhưng là niềm tự hào của toàn thể CBCNV và đáng để mỗi người luôn phải tâm niệm: “Hãy làm gì để gìn giữ và xây dựng C&T ngày một vững mạnh hơn, đóng góp được nhiều hơn cho cộng đồng và xã hội”. Hơn lúc nào hết chúng ta hãy sát cánh lại để thấy được sự kiên tâm và nội lực của chính mình; hãy đồng hành để cùng trải nghiệm về tinh thần đoàn kết, và hãy cùng chúng tôi ghi dấu ấn không thể quên trong cuộc đời và trong trang sử của C&T.

Thay mặt cho HĐQT và BGD, tôi xin dành lời tri ân đến quý vị cổ đông; các khách hàng và đối tác cùng chia sẻ, gắn bó với C&T; đặc biệt là với toàn thể CBCNV Công ty C&T. Chúc tất cả các Quý vị thật nhiều may mắn và thành công.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đỗ Thị Ngọc Bình – Chủ tịch HĐQT



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ
- Tên tiếng Anh: CONSTRUCTION AND MATERIALS TRADING JOINT STOCK COMPANY
- Mã chứng khoán: CNT
- Trụ sở chính: Lầu 6, 9-19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1
Phường Nguyễn Thái Bình, TP.HCM
- Điện thoại: (84-8) 3829 5604 – 3829 5488
- Fax: (84-8) 3821 1096
- Email: info@cnt.com.vn
- Website: www.cnt.com.vn
- Vốn điều lệ: 100.150.690.000 đồng

Giấy đăng ký kinh doanh số: 0301460120 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 04 tháng 3 năm 2003, thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 6 năm 2012.

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư tiền thân là Công ty cung ứng vật tư vận tải đợn vị trực thuộc của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – Bộ Xây dựng, thành lập năm 1981.

- Ngày 24/02/1990, Bộ Xây dựng bổ sung thêm chức năng nhận thầu xây dựng và đổi tên thành Công ty Xây dựng và Cung ứng Vật tư.
- Ngày 18/3/1993, Công ty đổi tên thành Công ty Xây dựng và Kinh doanh Vật Tư.



2.2. Cổ phần hóa

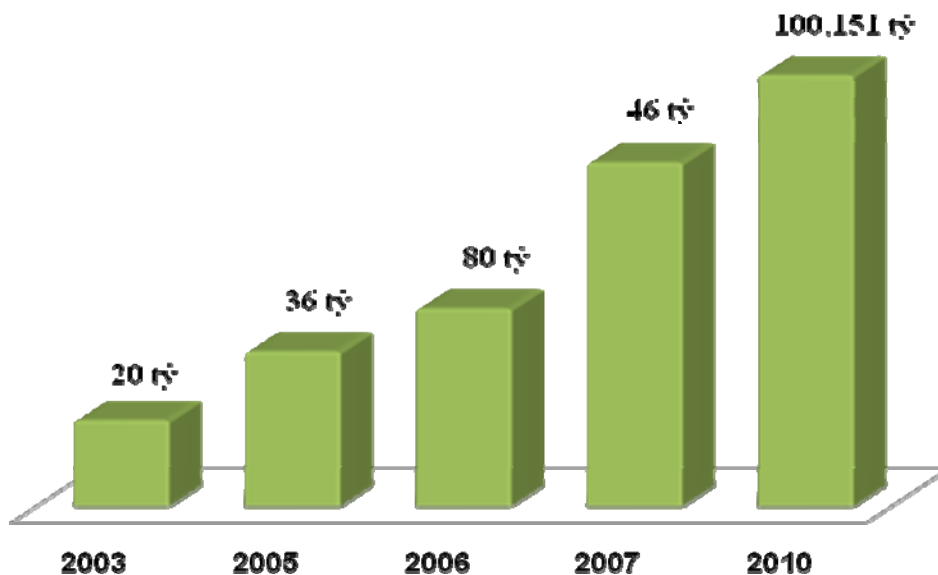
Ngày 15/01/2003, Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh Doanh Vật Tư với vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng.

2.3. Niêm yết

Ngày 28/7/2008, Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư chính thức trở thành doanh nghiệp thứ 155 niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán Sở Giao Dịch TP.HCM với tổng số cổ phiếu 8.000.000 cổ phiếu.

2.4. Tăng vốn điều lệ

Năm	Vốn điều lệ (VND)	Vốn tăng thêm (VND)	Hình thức tăng vốn
2003	20.000.000.000		Vốn điều lệ ban đầu
2005	36.000.000.000	16.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
2006	46.000.000.000	10.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
2007	80.000.000.000	34.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
2010	100.150.690.000	20.150.690.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu



Quá trình tăng vốn của Công ty C&T



2.5. Một số thành tích đạt được

Huân chương Lao Động hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng năm 1989

Huân chương Lao Động hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng năm 1999

Huân chương Lao Động hạng Nhất do Chủ tịch nước trao tặng năm 2005

Bằng khen của UBND tỉnh Kiên Giang năm 2005

Bằng khen của Bộ Xây Dựng năm 2006

Cờ đơn vị xuất sắc của UBND TP.HCM năm 2007

Huân chương Độc Lập hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng năm 2009

Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Xây Dựng năm 2010

Được xếp trong VNR500 – Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2007 – 2012.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất
- Thi công xây lắp
- Sản xuất công nghiệp và khai thác mỏ
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

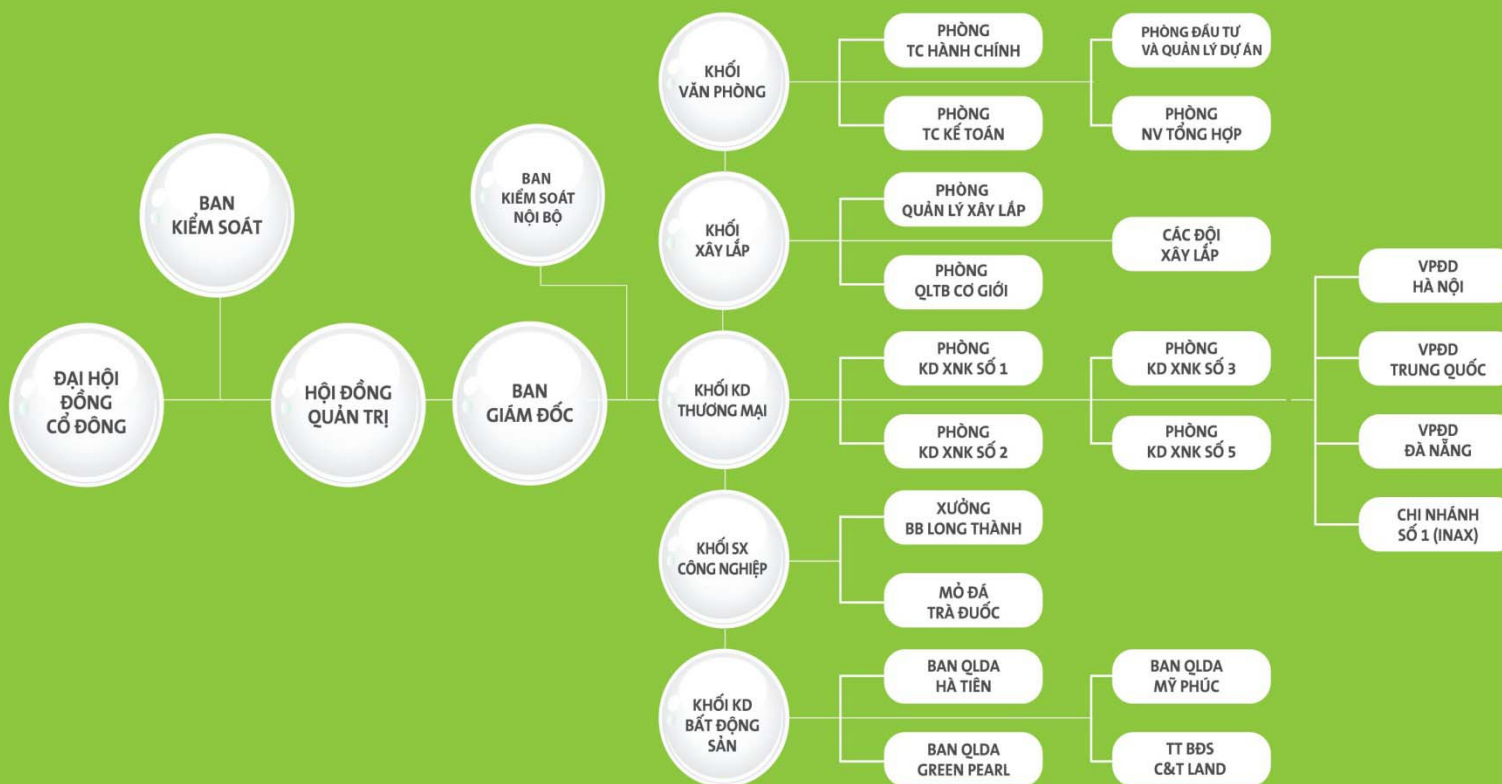
4.1. Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại Hội Đồng Cổ Đông, Ban Kiểm Soát, Hội Đồng Quản Trị; đứng đầu ban điều hành là Tổng Giám Đốc và các Phó Tổng Giám Đốc.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY C&T





4.3. Các công ty con và công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn góp của C&T
1	Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn VINA-PSMC	Lô 1699, KCN Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An	70,00%
2	Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại và Kinh doanh An Phúc	Số 4/4 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, TP.HCM	50,00%
3	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Biển Tây	Số 49 Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, TP.HCM	49,42%
4	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phước Hòa	Áp Phước Lộc, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	47,75%
5	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Ban Tích	Số 49 Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, TP.HCM	45,67%
6	Công ty CP Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp phía Nam	38E Trần Cao Vân, phường 6, quận 3, TP.HCM	33,33%
7	Công ty CP Bao bì Nhơn Trạch	Đường số 2, KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	27,12%
8	Công ty CP Bê tông Xây dựng Thăng Long	Áp Thuận Đạo, Bến Lức, tỉnh Long An	17,00%

5. Mục tiêu và định hướng phát triển 5 năm (2013-2018)

5.1. Mục tiêu

- Giai đoạn từ năm 2013-2015: tái cấu trúc toàn bộ doanh nghiệp.
- Giai đoạn từ năm 2015-2018: phát triển ổn định và bền vững với tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 10% trở lên.

5.2. Chiến lược phát triển

- Tập trung vào năng lực cốt lõi, khai thác triệt để lợi thế về kinh nghiệm trong từng lĩnh vực cung cấp vật liệu xây dựng cho các dự án lớn.
- Tiếp tục phát triển lĩnh vực xây dựng hạ tầng, sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác khoáng sản.



- Tăng cường kiểm soát rủi ro trong toàn hệ thống, nhằm tối đa hóa lợi nhuận, phát triển bền vững.

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội, và cộng đồng của Công ty

- **Đối với cán bộ công nhân viên**

Quan tâm đến CBCNV có hoàn cảnh khó khăn qua các hình thức trợ cấp; tạo điều kiện phát huy các hoạt động tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh Niên.

- **Đối với xã hội và cộng đồng**

Tiếp tục các hoạt động xã hội: Hỗ trợ gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng; đóng góp Quỹ vì người nghèo, Hiến máu nhân đạo và các hoạt động từ thiện khác.

6. Các rủi ro

Trong bối cảnh hiện nay khi nền kinh tế có nhiều biến động phức tạp, ảnh hưởng mạnh đến các hoạt động SXKD, thì công tác quản trị rủi ro đang là vấn đề được các doanh nghiệp đặt lên vị trí hàng đầu.

Các lĩnh vực hoạt động SXKD chính của Công ty C&T đều liên quan đến thị trường xây dựng và BĐS, do đó, những rủi ro trọng yếu ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty được xác định như sau:

6.1. Rủi ro kinh tế vĩ mô

Tốc độ phát triển của nền kinh tế có ảnh hưởng lớn đến nhu cầu xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng. Xây lắp, kinh doanh vật liệu xây dựng và kinh doanh BĐS là những ngành chịu tác động mạnh nhất từ những biến động của nền kinh tế.

Khi nền kinh tế tăng trưởng kéo theo nhu cầu về xây dựng, nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng cũng tăng lên. Nhưng khi kinh tế rơi vào tình trạng chậm phát triển, các nhu cầu xây dựng cơ bản và xây dựng cơ sở hạ tầng giảm, làm ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành, đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhiều năm qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam luôn ở mức cao là điều kiện thuận lợi cho Công ty hội nhập với quốc tế và đa dạng hóa những lĩnh vực kinh doanh



như xây lắp, đầu tư dự án, dịch vụ.... Tuy nhiên, đây cũng là yếu tố đặt Công ty trong sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

Trong giai đoạn vừa qua, các chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô của Chính phủ như thắt chặt tín dụng đã tác động trực tiếp đến thị trường BĐS và ảnh hưởng xấu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Sự biến động lãi suất làm tăng chi phí do Công ty sử dụng một phần khá lớn vốn vay từ ngân hàng để tài trợ cho các dự án đầu tư.

Triển vọng nền kinh tế Việt Nam năm 2013 được dự báo sẽ có những cải thiện tích cực, song rủi ro vẫn còn tồn tại, sản xuất kinh doanh rất khó khăn, phục hồi chậm và yếu. Về phía Công ty, năm nay sẽ tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức từ các vấn đề của năm 2012 như nợ xấu, thị trường BĐS đóng băng, hàng loạt doanh nghiệp phá sản.

- **Lạm phát**

Lạm phát trong năm 2013 còn phụ thuộc nhiều vào diễn biến khó dự báo của giá lương thực – thực phẩm và độ trễ của chính sách tiền tệ nói lỏng trong năm 2012. Lạm phát có thể trở lại vào năm 2013 sẽ dẫn đến các biến động về giá cả vật liệu, vật tư xây dựng, làm tăng chi phí đầu vào, tạo nên rủi ro về giá trong hoạt động kinh doanh thương mại của công ty. Do vậy, công tác quản trị hàng tồn kho, theo kịp cung – cầu và giá cả thị trường của Công ty phải thực sự cẩn trọng để hạn chế thấp nhất tác động của rủi ro này lên hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- **Lãi suất**

Là doanh nghiệp kinh doanh thương mại với doanh thu hàng năm lên đến hàng ngàn tỷ đồng nên Công ty không tránh khỏi việc vay nợ nhiều từ các ngân hàng. Với thực trạng lãi suất vay nợ cao như hiện nay thì rủi ro từ các khoản vay đã ký kết là khá lớn. Điều này đòi hỏi việc quản lý dòng tiền, tín dụng thương mại và thanh toán của Công ty phải rất chặt chẽ. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

- **Tỷ giá hối đoái**



Mặc dù rủi ro về tỷ giá không tác động trực tiếp nhưng có ảnh hưởng đến lạm phát và lãi suất do đó cũng gián tiếp tác động đến hoạt động SXKD của Công ty, nên Công ty theo dõi và cập nhật các dự báo biến động về tỷ giá hối đoái.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty, trong đó phải kể đến Luật đất đai, Luật xây dựng, Luật kinh doanh BĐS và Luật nhà ở. Hệ thống luật của Việt Nam đang được dần hoàn thiện. Các văn bản dưới luật còn nhiều chông chéo và tính ổn định của văn bản luật chưa cao. Điều này làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh BĐS cũng như tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

Để kiểm soát rủi ro này, Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường pháp luật để có những quyết định kịp thời và chính xác.

6.3. Rủi ro cạnh tranh

Việc gia nhập Tổ chức thương mại quốc tế (WTO) đã mở ra rất nhiều cơ hội phát triển, mở rộng thị trường đối với các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty C&T nói riêng. Tuy nhiên đây cũng là thách thức tạo động lực để Công ty không ngừng gia tăng khả năng cạnh tranh và năng lực quản lý.

Bắt đầu từ năm 2011, hàng loạt các công ty nước ngoài được thành lập tại Việt Nam và tham gia vào lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng như các công ty Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc. Do đó, bên cạnh sức ép cạnh tranh từ các tập đoàn và các công ty trong nước, Công ty phải đối mặt áp lực cạnh tranh từ các đối thủ nước ngoài – đây là những công ty có lợi thế về vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý và tiềm lực tài chính mạnh.

Lãnh đạo Công ty tiếp tục chỉ đạo từng lĩnh vực phải tạo cho mình hướng đi mới, khai thác thế mạnh song song với việc tạo sự khác biệt, đa dạng hóa sản phẩm, nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung các dự án phát triển hạ tầng đô thị, giao thông nông thôn, các dự án trong chương trình chống biến đổi khí hậu trên cả nước để tạo nên lợi thế cạnh tranh, giữ vững vị thế trên thị trường kinh doanh.



6.4. Rủi ro tín dụng

Quản trị tín dụng là đóng vai trò quan trọng trong doanh nghiệp. Cách quản trị tốt sẽ làm tăng giá trị sử dụng vốn doanh nghiệp và ngược lại, nó có thể làm suy giảm khả năng thanh khoản, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty. Rủi ro tín dụng xảy ra khi khách hàng hay đối tác không đáp ứng được nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến tổn thất tài chính cho Công ty.

Để kiểm soát tốt các khoản phải thu, lãnh đạo Công ty đã chủ trương kiểm soát chặt đầu ra, chọn lọc các đối tác, khách hàng có nguồn tín dụng rõ ràng và đảm bảo.

6.5. Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản trị rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Công ty thực hiện các chính sách theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tiếp nối năm 2011, năm 2012 vẫn là một năm đầy sóng gió của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Thị trường BĐS Việt Nam với tình trạng tiếp tục đóng băng, không chỉ gây khó khăn cho các doanh nghiệp kinh doanh BĐS mà còn ảnh hưởng tới thanh khoản của ngân hàng, gây đình trệ cho các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, xây lắp, kinh doanh hàng trang trí nội thất. Công ty C&T cũng không nằm ngoài vòng xoáy khốc nghiệt đó. Mặc dù ban lãnh đạo Công ty đã sớm có nhìn nhận, đánh giá về tình hình kinh tế - xã hội của đất nước khi xây dựng kế hoạch SXKD ngay từ đầu năm 2012, song vẫn không lường hết được diễn biến và sự tác động nghiêm trọng từ thực tiễn tình hình kinh tế khó khăn thế giới và trong nước vào trực tiếp thị trường BĐS và xây dựng.



Kế hoạch SXKD năm 2012 của Công ty C&T được triển khai thực hiện trong điều kiện không mấy thuận lợi. Mặc dù đã nỗ lực hết mình của ban Tổng Giám Đốc và toàn thể CBCNV, kết quả thực hiện SXKD vẫn không đạt được như kỳ vọng.

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2011	TH năm 2012	% TH năm 2012/năm 2011	KH năm 2012	% hoàn thành KH năm 2012
1	Tổng doanh thu	3.824,72	2.357,69	61,64%	3.196,80	73,75%
	Trong đó:					
	Khối kinh doanh XNK	3.567,15	2.110,02	59,15%	2.840,00	74,30%
	Khối xây lắp	225,86	202,70	89,75%	297,80	68,07%
	Khối sản xuất công nghiệp	22,80	25,46	111,65%	9,00	282,86%
	Kinh doanh bất động sản	8,91	19,52	219,00%	50,00	39,03%
2	Lợi nhuận sau thuế	8,55	(17,43)		18,75	

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm bị lỗ là do các nguyên nhân sau:

- Thực hiện theo Nghị quyết số 11/NQ-CP do Chính Phủ ban hành từ năm 2011 về cắt giảm đầu tư công, các dự án BĐS phải tạm dừng hoặc giãn tiến độ thực hiện, nhiều công trình xây dựng không có vốn để triển khai... đã dẫn đến nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng giảm đáng kể, tình hình thị trường BĐS vẫn trầm lắng. Trong khi đó, các khách hàng của Công ty chủ yếu là các nhà thầu xây dựng và các nhà đầu tư BĐS, vì vậy đã ảnh hưởng mạnh đến doanh thu bán hàng.
- Trong kỳ hoạt động xây lắp có quyết toán một số công trình sử dụng vốn ngân sách bị lỗ do trượt giá và khối lượng phát sinh nhưng không được thanh toán.
- Các thủ tục pháp lý của các dự án đầu tư của Công ty bị kéo dài nên không được triển khai theo kế hoạch.



2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban Điều Hành

Ông Phạm Anh Tuấn	-	Tổng Giám Đốc
Ông Trần Công Quốc Bảo	-	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Đỗ Đức Minh	-	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Phùng Đạt Đức	-	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Phan Trung Huy	-	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	-	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Trần Mạnh Hùng	-	Giám Đốc Tài Chính
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	-	Kế toán trưởng

*** Ngày 28/3/2013, HĐQT đã bổ nhiệm ông Trần Công Quốc Bảo – Phó Tổng Giám Đốc giữ chức vụ Tổng Giám Đốc của Công ty C&T thay cho ông Phạm Anh Tuấn.**

1. Ông Phạm Anh Tuấn - Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1964

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 168/4 Bàu Cát 1, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Ngoại thương

Chức vụ công tác:

Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Vật tư

*** Giữ chức vụ Phó chủ tịch HĐQT của Công ty C&T kể từ ngày 28/3/2013.**

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn VINA PSMC
- Thành viên HĐQT Công ty CP Xây dựng và Thương mại Ban Tích



- Thành viên HĐQT Công ty CP Xây dựng và Bê tông Thăng Long

2. Ông Trần Công Quốc Bảo - Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1976

Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 18 Lê Quang Sung, P.6, Q.6, TP.HCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đối ngoại, Cử nhân Ngữ Văn Anh, Chứng chỉ Giám Đốc Kinh Doanh

Chức vụ công tác:

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Vật tư

*** Giữ chức vụ Tổng Giám Đốc của Công ty C&T kể từ ngày 28/3/2013**

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xây dựng và Thương mại Ban Tích
- Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phước Hòa

3. Ông Đỗ Đức Minh - Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1958

Nơi sinh: Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 53/19 Phạm Phú Thứ, P.10, Q.Tân Bình, TP. HCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy Lợi

Chức vụ công tác:

Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Vật tư.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Xây dựng Huy Thục



4. Ông Phùng Đạt Đức - Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1975

Nơi sinh: Hậu Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: C04/2 Chung cư 41 Bis Điện Biên Phủ, P.25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đối ngoại, Chứng chỉ Giám Đốc Điều Hành

Chức vụ công tác:

Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Vật tư

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu Đồng Nai

5. Ông Phan Trung Huy - Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1976

Nơi sinh: Vĩnh Phú

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 30/5 Hoàng Hoa Thám, P.12, Q. Tân Bình, TP. HCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng – Ngành kỹ thuật công trình

Chức vụ công tác:

Phó Tổng Giám Đốc kiêm Trưởng Phòng Quản lý Xây lắp Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Vật tư.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phước Hòa
- Thành viên HĐQT Công ty CP Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp phía Nam

6. Ông Nguyễn Thanh Tuấn - Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1971

Nơi sinh: Thanh Hóa



Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 25/58 Trương Định, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ công tác:

Phó Tổng Giám Đốc kiêm trưởng văn phòng đại diện ở Hà Nội Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Vật tư

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có

7. Ông Trần Mạnh Hùng - Giám Đốc Tài Chính

Năm sinh: 1974

Nơi sinh: Quảng Trị

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 17A Lê Quang Chiêu, Q. Tân Phú, TP. HCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp, Chứng chỉ Giám Đốc Tài Chính (CFO).

Chức vụ công tác hiện nay:

Giám Đốc Tài Chính Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Vật tư.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phước Hòa
- Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Bao Bì Nhơn Trạch
- Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Phía Nam
- Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Bê tông Xây dựng Thăng Long

8. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kế toán trưởng

Năm sinh: 1968

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh



Địa chỉ thường trú: 1/2/5 Đường D3, P.25, Q.Bình Thạnh, TP. HCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế, Chứng chỉ Giám Đốc Tài Chính (CFO),
Chứng chỉ Giám Đốc Điều Hành.

Chức vụ công tác hiện nay:

Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Vật tư.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có

2.2. Những thay đổi trong Ban Điều Hành

- Ngày 02/7/2012: Ông Hoàng Ngọc Minh từ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc Công ty C&T.
- Ngày 28/3/2013: Bổ nhiệm ông Trần Công Quốc Bảo – Phó Tổng Giám Đốc giữ chức vụ Tổng Giám Đốc của Công ty C&T.

2.3. Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động

Số lượng CBCNV tính đến thời điểm 31/12/2012 là 222 người. Trong đó:

Phân theo trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Đại học, sau đại học	126	56,85%
Cao đẳng, trung cấp	33	14,86%
Công nhân kỹ thuật	34	15,32%
Lao động phổ thông	29	13,06%

Năm 2012 số lượng CBCNV giảm so với năm 2011 là 45,77%.

*** Chính sách lương thưởng**

Chính sách lương thưởng được áp dụng bằng hai hình thức cơ bản như sau:

- Lương công nhật: Được áp dụng cho các phòng, ban nghiệp vụ, hành chính văn phòng. Mức lương căn cứ vào thang, bảng lương do Nhà nước quy định. CBCNV được nâng lương theo đúng quy định của Luật Lao Động, đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, giải quyết chế độ ốm đau, thai sản, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV kịp thời.



- Lương hưởng theo kết quả SXKD: Được áp dụng cho các khối SXKD nhằm phát huy hết khả năng công tác và có mức thu nhập tương xứng với thành quả và năng lực của mỗi một CBCNV.

Trong năm qua, mặc dù Công ty gặp rất nhiều khó khăn nhưng bảo đảm được chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo. Tuy không được như các năm trước, nhưng Công ty cũng tạo điều kiện, góp một phần nhỏ giải quyết khó khăn chung cho CBCNV, ngoài tiền lương, CBCNV được nhận thêm một tháng lương cơ bản. Bình quân thu nhập một Cán bộ CNV là 5 triệu đồng/ tháng.

*** Chính sách đãi ngộ**

Năm 2012, nền kinh tế hết sức khó khăn, việc làm sao để giảm thiểu các chi phí trong doanh nghiệp nhưng ít làm ảnh hưởng tới kết quả SXKD là một vấn đề đau đầu của nhiều chủ doanh nghiệp không chỉ một mình Công ty C&T.

Trước tình hình đó, Công ty C&T và toàn thể CBCNV cùng nỗ lực, phấn đấu, chung tay cùng nhau vượt qua khó khăn trước mắt. Để khuyến khích, động viên thỏa mãn nhu cầu phát triển của nhân viên, Công ty đã thực thi chính sách tiền lương, chú trọng chính sách đãi ngộ tương xứng với sự đóng góp của từng cá nhân, tạo điều kiện tốt nhất để mỗi CBCNV phát huy hết năng lực và khả năng sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của công việc và đóng góp vào sự thành công của Công ty. Ngoài ra, Công ty thực hiện các chính sách:

- Tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quy định hiện hành khác của Nhà nước cho toàn thể CBCNV.
- Khen thưởng cho con của CBCNV đạt thành tích tốt trong học tập, hỗ trợ một phần học phí từ nhà trẻ đến Đại học và tổ chức tặng quà cho các cháu nhân ngày 01/6 nhằm khuyến khích, động viên phụ huynh các cháu an tâm công tác.
- Công đoàn Công ty hoạt động khá hiệu quả, lắng nghe và giúp đỡ kịp thời cho CBCNV, thực hiện tốt các chính sách thăm hỏi (ốm đau, thai sản, cưới hỏi...). Thường xuyên tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm tạo điều kiện nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV như tổ chức sinh hoạt, trợ cấp khó khăn cho cán bộ đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV.



Công ty C&T cam kết các chính sách đối với người lao động trong Công ty là luôn luôn tạo điều kiện thuận lợi và tốt nhất để đội ngũ CBCNV trong công ty có cơ hội phát triển khả năng tư duy sáng tạo, trình độ chuyên môn phù hợp với môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp và gắn bó lâu dài vì mục tiêu chung của Công ty.

*** Chính sách tuyển dụng và đào tạo**

Công ty C&T đã thực hiện đúng quy trình tuyển dụng đáp ứng nhu cầu của công việc. Bên cạnh đó Công ty cũng chú trọng hơn công tác đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ kiến thức và năng lực chuyên môn cho CBCNV. Khuyến khích, động viên nhân viên, tạo điều kiện cho nhân viên phấn đấu và phát triển.

Đào tạo nhằm không ngừng hoàn thiện và nâng cao kỹ năng chuyên môn của CNV để đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của công việc, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Tình hình thực hiện đầu tư các dự án

- *Dự án Khu đô thị mới Hà Tiên*

Do tình hình thị trường BĐS nói chung và của dự án nói riêng trong năm 2011 và 2012 gặp rất nhiều khó khăn nên lãnh đạo Công ty đã chủ trương giảm tiến độ đầu tư, đẩy mạnh tiếp thị bán hàng, tăng cường thu tiền khách hàng và dùng khoản thu này để tái đầu tư vào dự án.

- *Dự án Green Pearl, quận 2, TP.HCM*

Đồ án quy hoạch chung toàn khu 36ha đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 4605/QĐ-UBND ngày 06/09/2012 về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) khu dân cư 36ha (giáp khu liên hợp Thử Dục Thử Thao Rạch Chiểu, phường An Phú, quận 2 và dự án Green Pearl đã được Sở Quy hoạch kiến trúc Thành phố cấp chứng chỉ quy hoạch số 06/CCQH-SQHKT ngày 20/11/2012.

- *Dự án Chung cư Mỹ Phúc, quận 8, TP.HCM*



Dự án vẫn đang trong quá trình thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch chi tiết TL1/500. Do đó chỉ triển khai một số công tác tạm theo yêu cầu của cơ quan quản lý như: phát quang mặt bằng thi công, nâng cao đường tạm vào dự án để chống ngập.

- *Dự án Chung cư Phú Long, quận Tân Bình, TP.HCM*

Trong năm 2012, Công ty hoàn thiện các thủ tục chuyển tên chủ đầu tư dự án và quyền sử dụng đất là Công ty C&T.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

3.2.1. Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn VINA PSMC

Trụ sở chính: Lô 1699, Khu CN Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An

Đơn vị liên doanh: Tập đoàn P.S Mitsubishi Corporation LTM Co., Nhật Bản

Đại diện:

Ông Lê Quảng Châu – Chủ tịch HĐQT

Ông Lê Huy Vinh – Giám Đốc

Hoạt động chính:

- Thiết kế, sản xuất các sản phẩm bê tông đúc sẵn như bê tông cốt thép dự ứng lực, cọc ván bê tông dự ứng lực chữ T, bê tông tươi (bê tông trộn sẵn).
- Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng (dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình xây dựng khác).

Hạng mục	Năm 2011	Năm 2012
Tình hình tài chính		
Tổng tài sản	123,37	73,43
Vốn chủ sở hữu	28,01	27,63
Kết quả kinh doanh		
Doanh thu	88,96	170,29
Lợi nhuận sau thuế	2,9	0,20

ĐVT: tỷ đồng

3.2.2. Công ty TNHH Thương mại xây dựng và kinh doanh nhà An Phúc

Trụ sở: Số 4/4 Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

Đại diện:

Bà Đỗ Thị Ngọc Bình – Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Đức Khoa – Giám Đốc



Hoạt động chính:

- Dịch vụ nhà đất, chuyển quyền sử dụng đất, môi giới bất động sản, kinh doanh nhà.

3.2.3. Công ty CP Xây dựng và thương mại Ban Tích

Trụ sở: Số 49 Lê Quốc Hưng, P.12, Q.4, TP.HCM

Đại diện:

Ông Trần Công Quốc Bảo – Chủ tịch HĐQT

Ông Huỳnh Lê Quang Huy – Giám Đốc

Hoạt động chính:

- Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, máy móc, thiết bị thi công xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ.
- Cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu và vận chuyển hàng hóa.

Hạng mục	Năm 2011	Năm 2012
Tình hình tài chính		
Tổng tài sản	197,43	187,62
Vốn chủ sở hữu	18,22	21,46
Kết quả kinh doanh		
Doanh thu	597,88	441,39
Lợi nhuận sau thuế	3,72	2,07

ĐVT: tỷ đồng

3.2.4. Công ty CP Xây dựng và thương mại Biển Tây

Trụ sở: Số 49 Lê Quốc Hưng, P.12, Q.4, TP.HCM

Đại diện:

Ông Hoàng Anh Tuấn – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc

Hoạt động chính:

- Mua bán vật liệu xây dựng, chất phụ gia bê tông, hàng trang trí nội thất, máy móc thiết bị thi công xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ.
- Khai thác khoáng sản.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây, trạm biến áp.

Hạng mục	Năm 2011	Năm 2012
Tình hình tài chính		
Tổng tài sản	56,64	60,24
Vốn chủ sở hữu	18,50	17,58



Kết quả kinh doanh

Doanh thu	148,55	223,82
Lợi nhuận sau thuế	5,06	1,36

ĐVT: tỷ đồng

3.2.5. Công ty CP Đầu tư và phát triển Phước Hòa

Trụ sở: Ấp Phước Lộc, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Đại diện:

Ông Phan Trung Huy – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc

Hoạt động chính:

- Khai thác và kinh doanh bến cảng thủy nội địa.
- Xây dựng các công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình đường dây, công trình trạm biến áp.

Hạng mục	Năm 2011	Năm 2012
Tình hình tài chính		
Tổng tài sản	81,71	55,29
Vốn chủ sở hữu	39,73	39,78
Kết quả kinh doanh		
Doanh thu	82,02	40,33
Lợi nhuận sau thuế	0,23	0,054

ĐVT: tỷ đồng

3.2.6. Công ty CP Bao bì Nhơn Trạch

Trụ sở: Đường số 2, Khu CN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Đại diện:

Bà Đỗ Thị Ngọc Bình – Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Đức Văn – Giám Đốc

Hoạt động chính:

- Sản xuất và kinh doanh bao bì các loại từ giấy, carton, nhựa, gỗ, các mặt hàng dệt may, nhuộm.
- Mua bán, đại lý ký gởi vật tư hàng hóa ngành sản xuất bao bì, cơ khí: sắt, thép đặc chủng, phôi thép, tole silic, thép chịu nhiệt, hạt nhựa và phụ gia ngành nhựa, ngành giấy.



- Mua bán vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị, vật tư ngành cơ khí và chế tạo máy, các sản phẩm bằng sành sứ, thủy tinh, sợi, dệt, may, sản phẩm bằng da (sợi da, thuộc da).

Hạng mục	Năm 2011	Năm 2012
Tình hình tài chính		
Tổng tài sản	130,32	94,69
Vốn chủ sở hữu	48,69	47,96
Kết quả kinh doanh		
Doanh thu	191,53	141,48
Lợi nhuận sau thuế	2,93	7,31

ĐVT: tỷ đồng

3.2.7. Công ty CP Xây dựng dân dụng và công nghiệp phía Nam

Trụ sở: Số 49 Lê Quốc Hưng, P.12, Q.4, TP.HCM

Đại diện:

Ông Nguyễn Quốc Hùng – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc

Hoạt động chính:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- Trang trí nội thất.
- Mua bán, lắp đặt thiết bị công trình xây dựng.

Hạng mục	Năm 2011	Năm 2012
Tình hình tài chính		
Tổng tài sản	58,15	56,77
Vốn chủ sở hữu	3,37	1,74
Kết quả kinh doanh		
Doanh thu	55,32	37,54
Lợi nhuận sau thuế	0,56	(1,63)

ĐVT: tỷ đồng

3.2.8. Công ty CP Bê tông và xây dựng Thăng Long

Trụ sở: Ấp Thuận Đạo, Bến Lức, Long An

Đại diện:

Ông Đoàn Văn Đức – Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Bá Hồng – Giám Đốc

Hoạt động chính:



- Sản xuất và xây lắp, kinh doanh bê tông thương phẩm, vật liệu xây dựng.

Hạng mục	Năm 2010	Năm 2011
Tình hình tài chính		
Tổng tài sản	92,95	112,57
Vốn chủ sở hữu	44,36	44,65
Kết quả kinh doanh		
Doanh thu	23,04	24,81
Lợi nhuận sau thuế	0,17	0,30

ĐVT: tỷ đồng

4. Tình hình tài chính (theo BCTC hợp nhất của Công ty C&T đã được kiểm toán năm 2011, 2012)

4.1. Tình hình tài chính

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2011	TH năm 2012	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	1.928,47	1.735,83	-9,99%
2	Vốn chủ sở hữu	233,31	220,99	-5,28%
3	Doanh thu thuần	3.859,32	2.394,87	-37,95%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4,01	(13,96)	-448,44%
5	Lợi nhuận khác	2,35	(5,43)	-331,02%
6	Lợi nhuận trước thuế	11,16	(15,69)	-240,66%
7	Lợi nhuận sau thuế	10,70	(10,76)	-200,56%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2011	TH năm 2012
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn:		
	<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	1,01	1,19
1.2	Hệ số thanh toán nhanh:		



	<i>(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	0,82	0,98
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
2.1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,87	0,87
2.2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	7,23	6,82
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
3.1	Vòng quay hàng tồn kho:		
	<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	11,90	8,99
3.2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,00	1,38
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
4.1	HS Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,28%	-0,45%
4.2	HS Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	4,59%	-4,87%
4.3	HS Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,55%	-0,62%
4.4	HS Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,10%	-0,58%

5. Thông tin cổ đông

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 10.015.069 cổ phiếu, trong đó:

- Cổ phiếu đang lưu hành: 9.915.069 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ: 100.000 cổ phiếu

5.2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 06/3/2013 (theo danh sách chốt cổ đông ngày 06/3/2013 do TTLKCK Việt Nam cung cấp)

STT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
A	Tổng số cổ phần	10.015.069	100,00%
1	Cổ đông sở hữu trên 5% vốn điều lệ	6.579.935	65,70%
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% vốn điều lệ	317.900	3,17%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% vốn điều lệ	3.117.234	31,13%



B	Tổng số cổ phần	10.015.069	100,00%
1	Cổ đông trong nước	7.220.532	72,10%
	Cá nhân	3.693.316	36,88%
	Tổ chức	3.527.216	35,22%
2	Cổ đông nước ngoài	2.694.537	26,90%
	Cá nhân	93.952	0,94%
	Tổ chức	2.600.585	25,97%
3	Cổ phiếu quỹ	100.000	1,00%

5.3. Phát hành trái phiếu riêng lẻ (6/2012)

- Số lượng: 40.000 trái phiếu
- Số nhà đầu tư mua trái phiếu: 01 tổ chức
- Tổng giá trị phát hành: 40.000.000.000 đồng
- Tổng giá trị thu về: 40.000.000.000 đồng
- Mục đích phát hành: tăng quy mô vốn hoạt động

6. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc và thành viên Ban Kiểm Soát

6.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm Soát được nhận theo quy định tại Điều lệ của Công ty, ngoài ra không có bất cứ khoản lợi ích nào khác.

Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao bình quân được hưởng (đồng/tháng)	Tiền lương bình quân được hưởng (đồng/tháng)	Ghi chú
Đỗ Thị Ngọc Bình	CT HĐQT	5.000.000	21.000.000	Hỗ trợ công tác điều hành SXKD
Phạm Anh Tuấn	Phó CT HĐQT kiêm TGD	4.000.000	20.080.000	
Hoàng Anh Tuấn	TV HĐQT	3.000.000		



Louis T Nguyen	TV HĐQT	3.000.000		Miễn nhiệm từ tháng 18/6/2012
Nguyễn Thị Thanh Hương	TV HĐQT kiêm KTT	3.000.000	15.080.000	
Trần Công Quốc Bảo	TV HĐQT kiêm PTGD	3.000.000	9.400.000	Bổ nhiệm TV HĐQT từ ngày 18/9/2012
Võ Ngọc Thảo	Trưởng BKS	1.580.000		
Nguyễn Hoàng Tuấn	TV BKS	870.000		Miễn nhiệm từ tháng 18/6/2012
Hà Văn Minh	TV BKS	830.000	13.750.000	Kiểm trưởng phòng KD XNK số 3
Đỗ Đức Minh	PhóTGD		14.600.000	
Hoàng Ngọc Minh	PhóTGD		16.000.000	Miễn nhiệm từ tháng 1/7/2012
Phùng Đạt Đức	PhóTGD		15.080.000	
Phan Trung Huy	PhóTGD		15.250.000	
Nguyễn Thanh Tuấn	PhóTGD		19.680.000	

6.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với tổ chức	Số cp sở hữu đầu kỳ		Số cp sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cp	Tỷ lệ	Số cp	Tỷ lệ	
1	Hoàng Anh Tuấn	Cổ đông nội bộ	30.330	0,30%	5.330	0,05%	Nhu cầu tài chính gia đình
2	Phạm Quốc Khánh	Cổ đông lớn	187.330	1,87%	561.340	5,60%	Trở thành cổ đông lớn
3	Nguyễn Thị Thanh Hương	Cổ đông nội bộ	49.995	0,50%	59.995	0,60%	Nâng tỷ lệ nắm giữ



III. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu

Năm 2012, các phòng kinh doanh xuất nhập khẩu được cơ cấu hợp lý phù hợp với nhu cầu của thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ, lựa chọn khách hàng lớn, dự án tốt có nguồn tài chính đảm bảo, tập trung cao độ thu hồi công nợ ...

Kết quả doanh thu khối kinh doanh xuất nhập khẩu đạt 2.110 tỷ đồng và lợi nhuận thực hiện là 2,6 tỷ đồng, giảm tương ứng 40% và 83% so với năm 2011. Tổng Giám Đốc và các phó Tổng Giám Đốc đã hết sức nỗ lực trong công tác tiếp thị, tìm kiếm công việc và tính toán vòng quay vốn, đảm bảo vay trả nợ vay ngân hàng đúng hạn, sử dụng có hiệu quả vốn vay. Tuy nhiên, một khó khăn lớn mà lĩnh vực kinh doanh phải đối mặt đó là thị trường xây dựng và tiêu thụ vật liệu xây dựng suy giảm trầm trọng, các ngân hàng có chủ trương không khuyến khích tăng trưởng tín dụng cho lĩnh vực BĐS. Bên cạnh việc lựa chọn khách hàng là sự cạnh tranh khốc liệt làm cho doanh số bán hàng giảm mạnh.

1.2. Lĩnh vực xây lắp

Doanh thu khối xây lắp trong năm 2012 đạt 203 tỷ đồng, giảm 10% so với năm 2011, lợi nhuận thực hiện là âm 5 tỷ. Sự giảm sút trong hiệu quả hoạt động của xây lắp chủ yếu nằm ở một số gói thầu thi công các công trình vốn ngân sách thực hiện từ 2010- 2011, một số do kéo dài thời gian thi công, nghiệm thu quyết toán chậm, một số do chủ đầu tư thanh toán chậm nên năm 2012 quyết toán lỗ. Công ty đã chủ trương chỉ tham gia đấu thầu thi công các công trình có nguồn vốn rõ ràng. Thực hiện tái cơ cấu hợp lý, giảm 30 % số lượng nhân viên trong hai phòng xây lắp, sáp nhập 02 phòng xây lắp thành một phòng nhằm giảm bớt chi phí và tập trung nâng cao hiệu quả quản lý điều hành.

1.3. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp



Hoạt động khai thác, kinh doanh đá tại mỏ Trà Đuốc thực hiện sản lượng 334.983,02 m³, doanh thu tăng 25% nhưng lợi nhuận thực hiện lại giảm 25% so với cùng kỳ năm ngoái do giá bán giảm và thuế tài nguyên tăng.

Sản xuất bao bì gồm sản phẩm vỏ bao xi măng do công ty bao bì Nhơn Trạch (công ty liên kết) sản xuất phối hợp có hiệu quả trong việc cung cấp vỏ bao cho các nhà máy xi măng. Sản phẩm vỏ bao PP (bao 50 kg và bao jumbo) do xưởng bao bì Công ty C&T sản xuất, tính đến nay đã khấu hao được 46,37% giá trị máy móc thiết bị.

1.4. Lĩnh vực kinh doanh BĐS và đầu tư dự án

Đây là lĩnh vực đang bị ảnh hưởng trầm trọng bởi tình hình thị trường BĐS cả nước. Vốn vay trung và dài hạn cùng với vốn tự có của Công ty đang nằm trong các dự án BĐS, một số căn hộ chung cư và các lô đất nền trong khu vực TP HCM. Công ty sẽ phải tiếp tục gánh chi phí vốn từ các dự án đầu tư nếu không có các giải pháp tích cực để thoái vốn.

Trong năm 2012, kinh doanh BĐS đạt doanh thu 17 tỷ đồng, phần lớn là doanh thu chuyên nhượng đất nền tại Khu Đô Thi Mới Hà Tiên.

1.5. Quản lý tài chính

Do đặc thù của ngành vật liệu xây dựng, Công ty C&T sử dụng các khoản vay ngân hàng và tín dụng từ nhà cung cấp để tài trợ cho nguồn vốn hoạt động kinh doanh của đơn vị, việc trả lãi suất hàng tháng và trả nợ đúng hạn cho các ngân hàng thương mại là tiêu chí số một, sống còn của doanh nghiệp. Trong khi đó, việc thu hồi nợ từ khách hàng không chủ động được, làm cho tình hình tài chính công ty luôn căng thẳng. Công tác lên kế hoạch thu chi, cân đối dòng tiền và giám sát, đôn đốc thực hiện kế hoạch được chú trọng thực hiện.

Công tác thu hồi nợ được quan tâm đặc biệt. Ban chuyên trách xử lý nợ được thành lập dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng giám đốc, tuy nhiên một số khoản thu không đạt kế hoạch dự kiến tạo thêm những khó khăn trong việc quản trị tài chính.

Các dự án đầu tư do kéo dài đã phát sinh chi phí tài chính.



Năm 2012, Công ty phát hành thành công gói trái phiếu 40 tỷ đồng và được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) chấp thuận cơ cấu khoản vay (100 tỷ) từ ngắn hạn sang dài hạn nhằm cân đối nguồn vốn.

1.6. Tổ chức nhân sự

HĐQT thường xuyên chỉ đạo thực hiện công tác đào tạo nâng cao chất lượng và chuyên môn của đội ngũ lãnh đạo cũng như chuyên viên ở các lĩnh vực nhằm nâng hiệu quả quản lý, điều hành, nâng cao năng suất lao động, chất lượng dịch vụ, năng lực cạnh tranh ở các lĩnh vực. Đồng thời, HĐQT chỉ đạo rà soát và cơ cấu nhân sự các phòng ban nhằm mục tiêu tinh gọn và hiệu quả. Trong năm đã chấm dứt hợp đồng lao động với khoảng 25% nhân sự toàn Công ty, đồng thời sáp nhập một số phòng kinh doanh và xây lắp.

2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2012

2.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT

HĐQT Công ty hiện nay gồm có 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên không điều hành.

Trong năm vừa qua Ông Louis T Nguyen - thành viên HĐQT, đại diện Quỹ VPH đã xin thôi chức vụ thành viên HĐQT Công ty C&T từ ngày 18/6/2012. HĐQT Công ty đã bổ nhiệm Ông Trần Công Quốc Bảo – thành viên HĐQT bổ sung từ ngày 18/9/2012. ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 sẽ chính thức thông qua việc từ nhiệm của Ông Louis T Nguyen và bầu bổ sung thành viên HĐQT mới.

TÊN	CHỨC VỤ	CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỈ LỆ %	GHI CHÚ
Đỗ Thị Ngọc Bình	Chủ tịch HĐQT	1.859.780	18,57	Thành viên không điều hành
- Đại diện phần vốn nhà nước		1.747.630	17,45	
- Cá nhân		112.150	1,12	
Phạm Anh Tuấn	Phó CT HĐQT	74.450	0,74	



Trần Công Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	1.727.980	17,25	
- Đại diện phần vốn nhà nước		1.702.370	17,00	
- Cá nhân		25.610	0,26	
Hoàng Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	5.330	0,05	Thành viên không điều hành
Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	59,995	0,60	

2.2 Các tiểu ban thuộc HĐQT: không có

2.3 Hoạt động của HĐQT

Trong năm qua HĐQT đã tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

HĐQT đã duy trì tổ chức các cuộc họp thường kỳ và bất thường trước các sự việc cần phải có ý kiến của HĐQT để hoạch định các mục tiêu lớn của Công ty, đưa ra các quyết định bám sát với Nghị quyết ĐHĐCĐ để giao Ban Tổng Giám Đốc thực hiện.

Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT mỗi tháng một lần tham gia các cuộc họp giao ban tuần của Ban Tổng Giám Đốc để nắm sát tình hình chỉ đạo, quản lý điều hành của Ban TGD đồng thời có các quyết định liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ và Nghị quyết của HĐQT.

Chủ tịch HĐQT cũng đã tổ chức các cuộc họp bất thường với Ban Tổng Giám Đốc để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty và có hướng chỉ đạo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động SXKD của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2012:

STT	Ngày	Nội dung
1	14/2/2012	<ul style="list-style-type: none">• Thành lập Ban tái cấu trúc tài chính từ 20/2/2012.• Bổ nhiệm Bà Văn Thị Hồng giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức hành chính.• Dự án Phước Hòa: hoàn thiện thủ tục đăng ký kinh doanh. Trong tháng 3/2012, chỉ đạo lập phương án đầu tư; xem xét lại công tác tổ chức nhân sự.



2	22/3/2012	<ul style="list-style-type: none">• Thống nhất chủ trương tìm đối tác hợp tác hoặc chuyển nhượng hoàn toàn các dự án đầu tư (Phí tư vấn môi giới 1-2% giá trị chuyển nhượng dự án).• Chủ trương thoái vốn các công ty liên kết hoạt động không hiệu quả: Công ty Thăng Long, Công ty Xây dựng dân dụng & công nghiệp Phía Nam, Công ty Huy Thục.• Công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2012.• Kế hoạch SXKD năm 2012.
3	05/4/2012	<ul style="list-style-type: none">• Điều chỉnh kế hoạch 2012 và cổ tức 2011 để trình ĐHCĐ 2012.• Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên giữ chức vụ Phó phòng Tổ chức hành chính.
4	15/5/2012	<ul style="list-style-type: none">• Chủ trương tham gia đấu thầu khai thác mỏ đá vôi mới tại Kiên Giang.• Rà soát năng lực của các đại diện phần vốn C&T tại các công ty thành viên, báo cáo HĐQT để điều chỉnh nếu cần thiết.
5	31/5/2012	<ul style="list-style-type: none">• Gia hạn thời gian đáo hạn của trái phiếu 2009 và Điều chỉnh và bổ sung điều khoản, điều kiện của trái phiếu riêng lẻ.
6	18/6/2012	<ul style="list-style-type: none">• Chấp thuận việc từ nhiệm của Ông Louis T Nguyen – Thành viên HĐQT theo nguyện vọng cá nhân và công bố thông tin việc từ nhiệm của Ông Nguyễn Hoàng Tuấn – Thành viên BKS.
7	29/6/2012	<ul style="list-style-type: none">• Thay đổi người đại diện phần vốn góp của Công ty C&T tại Công ty CP Xây dựng dân dụng & Công nghiệp Phía Nam.• Ban hành quy chế người quản lý đại diện phần vốn của Công ty C&T.
8	26/7/2012	<ul style="list-style-type: none">• Thông qua chủ trương tái cơ cấu tổ chức lĩnh vực xây lắp.• Chỉ đạo một số công tác liên quan đến dự án đầu tư của công ty.
9	15/8/2012	<ul style="list-style-type: none">• Thay đổi người đại diện phần vốn góp của Công ty C&T tại Công ty Biển Tây.• Thành lập Ban xử lý nợ khối kinh doanh.
10	17/9/2012	<ul style="list-style-type: none">• Bổ nhiệm ông Trần Công Quốc Bảo là thành viên HĐQT Công ty C&T.
11	20/9/2012	<ul style="list-style-type: none">• Sáp nhập phòng Kinh doanh thép công nghiệp vào phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu số 2.• Điều động Ông Phạm Quốc Khánh – Trưởng phòng Kinh doanh Thép Công Nghiệp giữ chức Trợ lý TGD.• Bổ nhiệm Ông Trần Công Quốc Bảo giữ chức vụ Phó TGD thường trực chuyên trách lĩnh vực Kinh doanh xuất nhập khẩu.
12	24/10/2012	<ul style="list-style-type: none">• Chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty C&T tại Công ty Huy Thục.



		<ul style="list-style-type: none">• Tìm công trình mới sử dụng cọc ván khu vực miền Trung và miền Bắc.• Tìm hướng hợp tác với các nhà máy cung cấp thép, xi măng để đổi lưu hàng hóa.• Lưu ý Công ty Biển tây triển khai sớm việc khai thác mỏ đá Châu Pha.
13	11/12/2012	<ul style="list-style-type: none">• Tiếp tục xem xét giảm 10-30% nhân sự toàn Công ty.• Duyệt kế hoạch SXKD năm 2013.

3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc Công ty

Năm 2012, Ban Tổng Giám Đốc Công ty C&T bao gồm:

1. TGD Phạm Anh Tuấn: Điều hành chung và trực tiếp lĩnh vực Tài chính, Nhân sự, Kế hoạch, Đầu tư.
2. PTGD Trần Công Quốc Bảo: Chính thức tham gia công tác điều hành Công ty từ ngày 5/10/2012, chịu trách nhiệm chính trong lĩnh vực kinh doanh toàn Công ty
3. PTGD Phùng Đạt Đức: Chịu trách nhiệm điều hành lĩnh vực xuất nhập khẩu và công tác tiếp thị các dự án khu vực miền nam.
4. PTGD Nguyễn Thanh Tuấn: Điều hành kinh doanh khu vực miền Bắc và các dự án yếu tố nước ngoài kiêm trưởng văn phòng đại diện ở Hà Nội.
5. PTGD Đỗ Đức Minh: Quản lý điều hành thiết bị cơ giới và sản xuất công nghiệp.
6. PTGD Phan Trung Huy: điều hành lĩnh vực thi công xây lắp toàn Công ty.

Trong năm qua, ban Tổng Giám Đốc Công ty, Kế Toán Trưởng và đội ngũ cán bộ quản lý các phòng, ban, đơn vị trực thuộc hết sức nỗ lực thực hiện trách nhiệm của mình trong việc điều hành Công ty theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ cũng như chỉ đạo của HĐQT. Kết quả thực hiện năm 2012 của ban Tổng Giám Đốc được HĐQT đánh giá như sau:

Ưu điểm

- Năm 2012, Công ty hoạt động trong bối cảnh nền kinh tế có muôn vàn khó khăn. Ban Tổng Giám Đốc Công ty đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, phát huy truyền thống đoàn kết và tinh thần tự chủ, sáng tạo, bản lĩnh trong điều hành để có thể vượt qua những thời điểm hết sức căng thẳng, đặc biệt là về tài chính với mục tiêu duy trì, ổn định SXKD.



- Các Phó Tổng Giám Đốc phụ trách từng lĩnh vực rất nỗ lực trong việc tiếp thị, thiết lập mối quan hệ tốt với các đối tác hợp tác, nhà sản xuất, tư vấn, nhà thầu, khách hàng, chú trọng xây dựng và giữ gìn uy tín thương hiệu C&T trên địa bàn cả nước .
- Mặc dù trải qua một năm hết sức khó khăn về tài chính song đến nay Công ty vẫn giữ được uy tín tuyệt đối với các ngân hàng thương mại trong việc vay và trả nợ đúng hạn, đồng thời giữ gìn uy tín và niềm tin của các đối tác, khách hàng với thương hiệu C&T.
- Các thủ tục pháp lý ở một số dự án được Ban Tổng Giám Đốc chỉ đạo hoàn thiện (chuyển tên chủ sở hữu dự án Phú Long, đồ án quy hoạch chi tiết dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 của dự án Green Pearl đã được phê duyệt).
- Đã thực hiện thoái vốn thành công ở Công ty Huy Thục.
- Tái cơ cấu tổ chức Công ty, tinh gọn bộ máy hoạt động.

Những tồn tại cần khắc phục

- Phương thức quản lý và điều hành chưa thực sự khoa học, còn chông chéo, tính quyết liệt chưa cao; công tác chỉ đạo đôi khi chưa rõ ràng, nhanh, nhạy nên chưa đạt hiệu quả trong giải quyết vấn đề.
- Một số chủ trương của ĐHĐCĐ và HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc vẫn chưa thực hiện được:
 - Mặc dù có tiếp xúc với nhiều khách hàng nhưng việc thực hiện chủ trương thoái vốn từ các dự án chưa có kết quả.
 - Chưa hoàn tất việc thoái vốn từ công ty Thăng Long.

4. Các kế hoạch, định hướng của Hội Đồng Quản Trị

- Hệ thống quản trị nội bộ: Tiếp tục rà soát, cơ cấu lại bộ máy nhân sự, tái cấu trúc quản trị tài chính toàn bộ Công ty.
- Tập trung vào ngành nghề chủ lực là kinh doanh thương mại với mục tiêu bảo toàn vốn và có lợi nhuận. Mở rộng ngành hàng, mặt hàng kinh doanh, đặc biệt là tăng cường hợp tác hai chiều với các nhà máy sản xuất thép và xi măng.



- Khối xây lắp: nâng cao năng lực cạnh tranh và tập trung vào các dự án có nguồn vốn đảm bảo.
- Khối sản xuất công nghiệp:
 - Đầu tư nâng cao công suất khai thác đá, tăng cường hợp tác khai thác ở các mỏ ở khu vực miền trung và miền nam.
 - Sản xuất cọc ván bê tông dự ứng lực: đa dạng hóa sản phẩm bê tông, tập trung vào các dự án chống biến đổi khí hậu trên cả nước và các dự án công nghiệp thủy lợi.
- Dự án BĐS:
 - Tiếp tục tìm đối tác có năng lực nhằm thoái vốn ở các dự án trong khu vực TP.HCM.
 - Dự án Hà Tiên: Tăng cường tiếp thị bán hàng, tiến độ của đầu tư tiếp theo đã được điều chỉnh cho phù hợp với năng lực tài chính của dự án.

IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD của Công ty C&T

Việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2012 của Ban Tổng Giám Đốc được triển khai trong tình hình kinh tế nhiều khó khăn và thách thức. Song dưới sự lãnh đạo tích cực của HĐQT cùng với sự đoàn kết nỗ lực phấn đấu của tập thể CBCNV, Ban Tổng Giám Đốc đã cố gắng điều hành Công ty theo đúng định hướng chiến lược SXKD mà Đại Hội Đồng Cổ Đông đã thông qua. Kết quả hoạt động SXKD ở từng lĩnh vực được ban Tổng Giám Đốc đánh giá như sau:

**** Lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu***

Từ đầu năm 2012 đến nay, thị trường vật liệu xây dựng gặp nhiều khó khăn, ngân hàng siết chặt tín dụng và lãi suất cho vay tuy giảm nhưng vẫn ở mức cao đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn vốn huy động cho các dự án đang triển khai. Tình hình thị trường trong nước bị thu hẹp, sức mua giảm mạnh, khối kinh doanh phải đối mặt với những khó khăn thách thức lớn. Bên cạnh đó, việc thu hồi công nợ kéo dài, khách



hàng vẫn còn chiếm dụng vốn của Công ty, dẫn đến chi phí lãi vay do khách hàng chậm trả khá cao đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả lợi nhuận thực hiện của các phòng kinh doanh.

Tổng giá trị doanh thu của khối kinh doanh thực hiện trong năm 2012 là 2.110 tỷ đồng, chỉ đạt 74% so với kế hoạch đã đề ra và bằng 59% so với cùng kỳ năm 2011.

**** Lĩnh vực xây lắp***

Do chủ trương cắt giảm đầu tư công, các dự án BĐS phải tạm dừng hoặc giãn tiến độ thực hiện, thị trường BĐS vẫn chưa phục hồi, lãi suất vẫn ở mức cao, làm cho nhiều chủ đầu tư của công trình xây dựng thiếu vốn hoặc không thể triển khai ... Từ đó đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng thực hiện về xây lắp trong năm 2012. Doanh số hoạt động xây lắp trong năm chỉ bằng 89% so với năm 2011 và chỉ đạt 68% so với kế hoạch. Các chương trình vốn ngân sách nhà nước không quyết toán được khối lượng phát sinh và trượt giá. Do đó, hiệu quả của hoạt động xây lắp cũng giảm sút đáng kể.

**** Lĩnh vực sản xuất công nghiệp***

Sau năm 2011, ngành vật liệu xây dựng vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn. Giá cả các loại nguyên liệu dùng cho sản xuất luôn biến động. Tuy nhiên, tổng giá trị doanh thu sản xuất công nghiệp đạt được 25,46 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2011. Hoạt động khai thác, sản xuất ở Mỏ đá Trà Đước tuy doanh thu và lợi nhuận không đạt kế hoạch năm (do giá bán không tăng, các loại thuế tài nguyên tăng cao), nhưng cũng góp phần vào lợi nhuận toàn Công ty.

Riêng xưởng sản xuất Bao bì Nhơn Trạch tiếp tục bị lỗ trong năm 2012. Tuy nhiên mức lỗ đã được giảm 50% so với năm 2011.

**** Lĩnh vực bất động sản***

Như dự đoán từ đầu năm 2012, thị trường BĐS vẫn còn là một bức tranh màu xám. Nhiều doanh nghiệp, chủ đầu tư BĐS rút lui, kéo theo đó là các dự án giảm giá, khuyến mãi, thoái vốn và chuyển nhượng. Việc tiêu thụ sản phẩm BĐS cũng không đạt như kỳ vọng. Tuy chỉ đạt 34,38% kế hoạch năm, nhưng doanh số cao gấp 3 lần so với cùng kỳ năm 2011.



2. Tình hình tài chính (theo BCTC Công ty C&T đã được kiểm toán năm 2012)

2.1. Tình hình tài sản

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
I	Tài sản ngắn hạn	1.426,56	1.236,94	-13,29%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	60,03	25,29	-57,88%
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	78,22	77,42	-1,03%
3	Phải thu ngắn hạn	1.029,86	901,41	-12,47%
4	Hàng tồn kho	236,14	214,35	-9,23%
5	Tài sản ngắn hạn khác	22,31	18,49	-17,13%
II	Tài sản dài hạn	433,25	443,28	2,31%
1	Tài sản cố định	308,48	310,28	0,58%
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	119,44	118,44	-0,83%
3	Tài sản dài hạn khác	5,33	14,56	173,18%
III	Tổng tài sản	1.859,81	1.680,22	-9,66%

Cuối năm 2012, tổng tài sản của Công ty C&T là 1.680 tỷ đồng, giảm 179,5 tỷ đồng (tương ứng 9,7%) so với thời điểm cuối năm 2011. Quy mô tài sản trong năm ít biến động tuy nhiên cơ cấu tài sản có sự thay đổi. Tài sản ngắn hạn cuối năm 2012 giảm hơn 189,62 tỷ đồng (tương ứng 13,29%) so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu do lượng tiền mặt giảm hơn 57,88% và giá trị khoản phải thu giảm hơn 12,47%.

2.2. Tình hình nợ phải trả



ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
I	Nợ ngắn hạn	1.419,32	1.047,10	-26,22%
1	Vay ngắn hạn	867,26	584,38	-32,62%
2	Phải trả người bán	421,67	349,56	-17,10%
3	Người mua trả tiền trước	35,46	10,78	-69,60%
4	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	2,11	2,49	-92,97%
5	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2,92	0,88	-69,98%
6	Chi phí phải trả	14,85	15,06	1,43%
7	Phải trả ngắn hạn khác	75,05	83,96	11,86%
II	Nợ dài hạn	216,89	422,36	94,74%
III	Tổng nợ phải trả	1.636,21	1.469,47	-10,19%

Cơ cấu nợ phải trả của Công ty C&T cuối năm 2012 có biến động mạnh do Công ty thực hiện việc cơ cấu lại các khoản vay. Cụ thể giá trị nợ ngắn hạn giảm hơn 372 tỷ triệu đồng (tương đương 26,22%) và tăng khoản nợ dài hạn lên 205 tỷ đồng (tương đương 94,74%) so với cùng kỳ năm ngoái.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Nhằm mục đích cơ cấu lại tổ chức hoạt động, ban lãnh đạo Công ty đã quyết định thu gọn nhân sự gồm: giải thể 02 phòng kinh doanh xuất nhập khẩu, sáp nhập phòng xây lắp 1 và phòng xây lắp 3.
- Tiếp tục thực hiện một số biện pháp để tăng cường tiết kiệm, tiết giảm chi phí quản lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh việc cắt giảm tiền thuê văn phòng, Công ty C&T cũng tiến hành cắt giảm đáng kể các chi phí khác như: chi phí ngoại giao (giảm hơn 800 triệu đồng), công tác phí (giảm hơn 900 triệu đồng) và chi phí tiền lương (giảm hơn 6 tỷ đồng).



ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Tăng/ giảm so với năm 2011
1	Giá vốn hàng bán	3.677,75	2.278,62	-38,04%
2	Chi phí tài chính	173,89	136,49	-21,51%
3	Chi phí bán hàng	6,55	4,23	-35,44%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	37,29	29,71	-20,31%

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Kế hoạch SXKD năm 2013 của Công ty

Trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô thế giới và trong nước vẫn còn nhiều bất ổn, Ban lãnh đạo Công ty sẽ tiếp tục kiên định với chiến lược phát triển an toàn và tăng trưởng bền vững để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2013:

- 1) Tiếp tục duy trì và ổn định hoạt động SXKD các sản phẩm truyền thống của Công ty, thực hiện kế hoạch linh hoạt phù hợp với diễn tiến của thị trường.
- 2) Tái cấu trúc và nâng cao hiệu quả bộ máy quản lý, xây dựng chiến lược sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng được giai đoạn phát triển hiện tại của Công ty.
- 3) Tìm kiếm và chọn lựa các khách hàng có nguồn tín dụng đảm bảo, nhận thầu các công trình có nguồn vốn rõ ràng, lựa chọn các thầu phụ có năng lực.
- 4) Thực hiện triệt để tiết kiệm chi phí trong mọi hoạt động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2013.



ĐVT: tỷ đồng

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Kế hoạch năm 2013	
		Công ty mẹ	Số liệu hợp nhất
I	Doanh thu	2.657,23	2.759,35
1	Khối kinh doanh XNK	2.293,74	2.300
2	Khối xây lắp	156,13	156,13
3	Khối sản xuất công nghiệp	29,85	131,97
	- Khai thác đá	9,45	9,45
	- Sản xuất bao bì	20,40	20,40
	- Bê tông dự ứng lực		102,12
4	Khối kinh doanh BĐS	20,00	20,00
5	Chuyển nhượng dự án	150,79	150,79
II	Lợi nhuận trước thuế	14,86	17,65
III	Cổ tức		8%

4.2. Phương hướng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2013

*** Lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu**

Năm 2013 vẫn tiếp tục là một năm nhiều khó khăn và thực trạng kinh tế bộc lộ những dấu hiệu rơi vào trì trệ, thị trường thi cạnh tranh ngày càng gay gắt, khối kinh doanh tiếp tục phải nâng cao trình độ đội ngũ kinh doanh, tiết giảm chi phí, tăng cường tiếp thị để có thể đứng vững được trên thị trường kinh doanh vật liệu xây dựng. Đồng thời khối kinh doanh tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, đặc biệt là các trường hợp khó đòi cần có biện pháp và phương án quyết liệt nhất.

Triển khai kế hoạch thực hiện việc mở rộng ngành hàng. Tăng cường các công tác ngăn ngừa rủi ro với mục tiêu lợi nhuận và bảo toàn vốn.

*** Lĩnh vực xây lắp**



Trong năm 2013, với khó khăn chung của nền kinh tế hiện nay, Công ty sẽ thận trọng hơn trong việc nhận thầu thi công. Ban điều hành sẽ tập trung lựa chọn các công trình có nguồn vốn rõ ràng, nâng cao công tác quản lý thi công ở các công trình nhằm đảm bảo hiệu quả theo phương án ban đầu.

*** Lĩnh vực sản xuất công nghiệp**

• Sản xuất đá:

Kế hoạch năm 2013 Công ty đặt ra tăng khoảng 10% so với năm 2012 dựa trên cơ sở mở rộng thị trường. Công ty đang tiếp thị, hợp tác với một số mỏ đá để có thể mở rộng sản xuất kinh doanh trên cơ sở năng lực hiện có của Công ty thành viên là Công ty Biển Tây.

• Sản xuất bao bì

Trong tình hình năm 2013 vẫn còn nhiều thách thức, xưởng sản xuất Bao bì Nhơn Trạch sẽ tập trung vào các khách hàng truyền thống như Nghi Sơn, Holcim, Bao bì Bình Tây... Đồng thời tìm kiếm và cung cấp sản phẩm cho các khách hàng mới chuyên về hàng hóa xuất khẩu.

• Sản xuất cọc ván bê tông dự ứng lực

Để nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty đang cơ cấu lại tổ chức sản xuất, làm sao giảm giá thành sản phẩm nhưng vẫn đạt tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký. Đồng thời, nâng cao khả năng tiếp thị, phối hợp với chủ đầu tư ngay từ khâu thiết kế để đưa sản phẩm vào dự án.

Song song với sản phẩm cọc bê tông dự ứng lực, Công ty đang cùng đối tác là Công ty PS Mitsubishi nghiên cứu một số sản phẩm mới phục vụ cho các dự án giao thông, đặc biệt là dự án tàu điện ngầm tại TP.HCM.

• Công tác tài chính

Tình trạng mất cân đối nguồn vốn hiện nay đã gây áp lực lên dòng tiền làm cho tình hình tài chính của Công ty căng thẳng, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Để giải quyết vấn đề này, Ban lãnh đạo Công ty đã ra chủ trương:



- Tích cực tìm đối tác cùng hợp tác kinh hoặc chuyển nhượng toàn bộ dự án để giảm áp lực vốn cho Công ty. Cụ thể, dự án Green Pearl đang được Công ty giới thiệu với các đối tác nước ngoài để chào mời một số công ty hợp tác triển khai hoặc chuyển nhượng dự án.
- Tập trung cao độ việc thu hồi công nợ; có phương án tích cực hơn trong việc giải quyết các khoản phải thu khó đòi; đẩy mạnh vòng quay hàng tồn kho nhằm làm giảm chi phí lãi vay.
- Tiếp tục thoái vốn ở các công ty con, công ty liên kết hoạt động không hiệu quả.
- Nâng cao hiệu quả công tác quản trị nhân sự và tiết giảm chi phí.

V. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm Soát

Trong năm 2012, Ông Nguyễn Hoàng Tuấn đã có đơn thông báo từ nhiệm vị trí thành viên Ban Kiểm Soát từ ngày 18/6/2012. Do đó từ nửa cuối năm 2012, Ban Kiểm Soát chỉ có 02 thành viên. ĐHCĐ thường niên năm 2013 sẽ tổ chức bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát.

Danh sách gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ	Ghi chú
Võ Ngọc Thảo	Trưởng ban	2.500	0.02%	
Hà Văn Minh	Thành viên	2.950	0.03%	
Nguyễn Hoàng Tuấn	Thành viên	0	0.00%	Từ nhiệm ngày 18/6/2012

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2012, BKS đã tiến hành các hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như tuân thủ các quy định khác của pháp luật, cụ thể như sau:

- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý của Công ty.



- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty.
- Đại diện BKS tham dự một số cuộc họp của HĐQT nhằm duy trì việc giám sát hoạt động của Công ty.
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập (là công ty phải thuộc danh sách các công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2012 để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012).

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán



Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
 Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
 22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
 Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Tel : +848 3910 0751
 Fax: +848 3910 0750
 www.deloitte.com/vn

Số: 0405 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) được lập ngày 25 tháng 3 năm 2013 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (gọi tắt là Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), từ trang 3 đến trang 38. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ngoài ra, cùng với việc không đưa ra ý kiến ngoại trừ chúng tôi lưu ý đến người đọc các vấn đề sau:

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 12 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh bao bì C&T-Ukraine, một Công ty con của Tổng Công ty, đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục thoái vốn. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh bao bì C&T-Ukraine trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được trình bày theo giá gốc.



Phó Tổng Giám đốc
 Chúng tôi Kiểm toán viên số 0138/KTV
 Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
 Ngày 25 tháng 3 năm 2013
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
 Chúng tôi Kiểm toán viên số 1178/KTV

12500
 H NH
 ĐNG
 NIÊM
 LUY
 Ệ T N
 TP. H

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.288.358.780.267	1.490.492.445.480
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	32.431.001.443	61.384.905.007
1. Tiền	111		32.431.001.443	61.284.905.007
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	77.414.885.734	78.223.299.334
1. Đầu tư ngắn hạn	121		82.814.261.926	83.652.329.926
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5.399.376.192)	(5.429.030.592)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		932.488.222.601	1.035.147.767.608
1. Phải thu khách hàng	131	7	800.427.166.131	914.001.506.985
2. Trả trước cho người bán	132		26.410.650.709	28.071.613.395
3. Các khoản phải thu khác	135	8	113.094.836.635	100.979.128.871
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.444.430.874)	(7.904.481.643)
IV. Hàng tồn kho	140	9	226.636.454.311	284.707.113.399
1. Hàng tồn kho	141		227.296.578.621	285.736.254.530
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(660.124.310)	(1.029.141.131)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.388.216.178	31.029.360.132
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.442.112.040	784.701.749
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		281.486.743	4.053.931.853
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.632.849.514	5.672.403.038
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	12.031.767.881	20.518.323.492





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		447.467.636.403	437.979.113.775
I. Tài sản cố định	220		323.096.441.704	322.782.989.908
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	33.820.103.262	33.158.294.703
- Nguyên giá	222		84.816.443.380	80.524.990.991
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(50.996.340.118)	(47.366.696.288)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	4.967.730.076	5.160.314.072
- Nguyên giá	228		7.797.616.028	7.668.016.028
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.829.885.952)	(2.507.701.956)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	284.308.608.366	284.464.381.133
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		109.650.025.213	109.867.270.545
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	10.124.917.464	10.124.917.464
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	97.272.783.794	95.920.029.126
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16	12.600.000.000	14.170.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	17	(10.347.676.045)	(10.347.676.045)
III. Tài sản dài hạn khác	260		14.721.169.486	5.328.853.322
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	5.768.264.468	1.651.257.655
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	7.827.129.565	2.886.123.817
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.125.775.453	791.471.850
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.735.826.416.670	1.928.471.559.255



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012		31/12/2011	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.506.538.490.955		1.686.752.962.026	
I. Nợ ngắn hạn	310		1.084.175.519.266		1.469.550.071.768	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	591.527.409.060		883.428.884.271	
2. Phải trả người bán	312	21	366.288.380.094		433.252.092.902	
3. Người mua trả tiền trước	313		12.469.240.452		46.733.974.125	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	7.052.316.977		4.717.413.839	
5. Phải trả người lao động	315		3.558.158.283		8.384.591.609	
6. Chi phí phải trả	316		17.635.362.874		18.615.098.618	
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-		1.367.780.385	
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	82.269.203.802		65.170.857.552	
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	24	2.305.158.525		4.669.267.328	
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.070.289.199		3.210.111.139	
II. Nợ dài hạn	330		422.362.971.689		217.202.890.258	
1. Phải trả dài hạn khác	333	25	132.186.566.200		133.518.909.488	
2. Vay và nợ dài hạn	334	26	290.172.344.489		81.650.658.420	
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		4.061.000		2.033.322.350	
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		220.991.529.830		233.309.076.797	
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	220.991.529.830		233.309.076.797	
1. Vốn điều lệ	411		100.150.690.000		100.150.690.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.585.637.916		81.585.637.916	
3. Cổ phiếu quỹ	414		(1.012.784.684)		(1.012.784.684)	
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-		137.028.037	
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.505.530.720		13.404.146.472	
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.642.805.753		10.440.037.257	
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		16.119.650.125		28.604.321.799	
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	28	8.296.395.885		8.409.520.432	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 500)	440		1.735.826.416.670		1.928.471.559.255	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Ngoại tệ các loại
Đô La Mỹ
Euro

Thuyết minh

31/12/2012

31/12/2011

21.598

160.397

4.355

4.350

Tran

Nguyen



Trần Thị Ngọc Thủy
Người lập biểu
Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.394.865.306.104	3.863.166.100.522
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	3.847.699.348
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	29	2.394.865.306.104	3.859.318.401.174
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	2.299.740.062.877	3.699.347.610.418
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		95.125.243.227	159.970.790.756
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	72.706.600.899	72.815.040.142
7. Chi phí tài chính	22	34	139.155.932.421	176.738.373.466
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		138.649.770.818	172.393.984.651
8. Chi phí bán hàng	24		4.292.358.790	7.034.455.458
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		38.345.392.599	45.005.550.131
10. (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(13.961.839.684)	4.007.451.843
11. Thu nhập khác	31		11.173.400.960	2.833.947.008
12. Chi phí khác	32		16.601.976.552	484.202.311
13. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(5.428.575.592)	2.349.744.697
14. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	45	15	3.698.729.126	4.798.450.386
15. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	50		(15.691.686.150)	11.155.646.926
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	7.218.057	1.378.307.747
17. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	19	(4.941.005.748)	(920.328.771)
18. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60	36	(10.757.898.459)	10.697.667.950
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số		28	60.677.021	869.007.839
- Lợi ích của Tổng Công ty			(10.818.575.480)	9.828.660.111
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	37		(1.091)	984

500
NH
NG
HIỆM
QT
TN
P.H

Tran

Trần Thị Ngọc Thùy
Người lập biểu
Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Nguyen

Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01	(15.691.686.150)	11.155.646.926
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.822.317.563	6.469.530.052
Các khoản dự phòng	03	(858.721.990)	3.148.507.459
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(66.694.157)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(17.352.852.768)	(27.917.643.400)
Chi phí lãi vay	06	138.649.770.818	172.393.984.651
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	112.502.133.316	165.250.025.688
Biến động các khoản phải thu	09	122.691.620.317	(40.541.403.076)
Biến động hàng tồn kho	10	70.460.139.275	62.659.535.218
Biến động các khoản phải trả	11	(88.729.715.234)	102.527.903.744
Biến động chi phí trả trước	12	(941.254.495)	4.939.167.715
Tiền lãi vay đã trả	13	(169.418.434.484)	(194.157.130.092)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(259.040.770)	(3.366.987.597)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	14.953.854.745	141.344.927.972
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(13.528.461.492)	(141.827.803.905)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	47.730.841.178	96.828.235.667
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(5.375.663.884)	(26.296.690.810)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	6.032.254.756	389.641.644
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(6.091.932.000)	(16.023.510.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.930.000.000	14.358.818.466
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(430.000.000)	(38.151.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	1.000.000.000	206.500.000
7. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	4.254.284.353	17.504.524.885
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.318.943.225	(48.011.715.815)

202-
 H
 Y
 J
 U
 H
 T
 E
 M
 C
 K



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012		2011	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(1.012.784.684)		
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.472.823.359.527	3.487.939.070.849		
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.555.803.148.669)	(3.547.494.496.444)		
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(16.399.697.531)		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(82.979.789.142)	(76.967.907.810)		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(28.930.004.739)	(28.151.387.958)		
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	61.384.905.007	89.417.591.752		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(23.898.825)	118.701.213		
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	32.431.001.443	61.384.905.007		

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 1.560.726.502 đồng (năm 2011 là 3.540.726.502 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Trần

Trần Thị Ngọc Thùy
 Người lập biểu
 Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Thị Thanh Hương

Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng



Phạm Anh Tuấn

Phạm Anh Tuấn
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.236.941.492.482	1.426.560.712.391
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	25.286.135.568	60.033.597.123
1. Tiền	111		25.286.135.568	59.933.597.123
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	77.414.885.734	78.223.299.334
1. Đầu tư ngắn hạn	121		82.814.261.926	83.652.329.926
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5.399.376.192)	(5.429.030.592)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		901.409.263.650	1.029.855.973.004
1. Phải thu khách hàng	131	7	767.109.927.629	893.769.897.686
2. Trả trước cho người bán	132		25.075.502.098	39.742.520.640
3. Các khoản phải thu khác	135	8	116.294.970.365	104.042.998.321
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.071.136.442)	(7.699.443.643)
IV. Hàng tồn kho	140	9	214.345.556.573	236.141.604.657
1. Hàng tồn kho	141		215.005.680.883	236.498.115.761
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(660.124.310)	(356.511.104)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.485.650.957	22.306.238.273
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.408.770.270	621.152.316
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		281.486.743	551.689.726
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.632.849.514	5.672.403.038
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	11.162.544.430	15.460.993.193





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		443.275.862.931	433.248.113.277
I. Tài sản cố định	220		310.276.204.898	308.483.759.567
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	24.683.781.777	24.259.864.383
- Nguyên giá	222		61.393.754.769	59.369.019.354
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.709.972.992)	(35.109.154.971)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.283.814.755	1.154.214.755
- Nguyên giá	228		1.283.814.755	1.154.214.755
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	284.308.608.366	283.069.680.429
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		118.441.210.388	119.435.500.388
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	26.251.373.433	26.251.373.433
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	90.361.803.000	89.361.803.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	12.600.000.000	14.170.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	16	(10.771.966.045)	(10.347.676.045)
III. Tài sản dài hạn khác	260		14.558.447.645	5.328.853.322
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	5.768.264.468	1.651.257.655
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	7.664.407.724	2.886.123.817
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.125.775.453	791.471.850
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.680.217.355.413	1.859.808.825.668



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012		31/12/2011	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.469.466.817.078		1.636.207.967.824	
I. Nợ ngắn hạn	310		1.047.103.845.389		1.419.319.225.066	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	584.378.092.605		867.260.658.423	
2. Phải trả người bán	312	20	349.557.081.663		421.672.502.046	
3. Người mua trả tiền trước	313		10.779.681.588		35.455.094.743	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	2.493.785.035		2.108.178.800	
5. Phải trả người lao động	315		2.131.604.081		5.994.402.669	
6. Chi phí phải trả	316		15.061.951.278		14.848.917.527	
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-		1.367.780.385	
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	79.519.367.108		63.021.623.639	
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	23	2.305.158.525		4.669.267.328	
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		877.123.506		2.920.799.506	
II. Nợ dài hạn	330		422.362.971.689		216.888.742.758	
1. Phải trả dài hạn khác	333	24	132.186.566.200		133.518.909.488	
2. Vay và nợ dài hạn	334	25	290.172.344.489		81.650.658.420	
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		4.061.000		1.719.174.850	
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		210.750.538.335		223.600.857.844	
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	210.750.538.335		223.600.857.844	
1. Vốn điều lệ	411		100.150.690.000		100.150.690.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.585.637.916		81.585.637.916	
3. Cổ phiếu quỹ	414		(1.012.784.684)		(1.012.784.684)	
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-		137.028.037	
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.292.918.740		12.292.918.740	
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.106.668.938		10.106.668.938	
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.627.407.425		20.340.698.897	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.680.217.355.413		1.859.808.825.668	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I. Ngoại tệ các loại

Đô La Mỹ

Euro

Thuyết minh

31/12/2012

31/12/2011

1.398

160.397

4.355

4.350

Tran

nguyen



Trần Thị Ngọc Thủy
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2012	2011
1. Doanh thu gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.357.693.038.052	3.824.723.750.059
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	3.847.699.348
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	2.357.693.038.052	3.820.876.050.711
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	28	2.278.624.360.623	3.677.750.117.180
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		79.068.677.429	143.125.933.531
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	79.058.901.737	80.922.070.527
7. Chi phí tài chính	22	32	136.489.784.239	173.888.641.501
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		135.784.936.059	169.544.252.686
8. Chi phí bán hàng	24		4.228.384.475	6.548.918.838
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.711.804.582	37.285.925.948
10. (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(12.302.394.130)	6.324.517.771
11. Thu nhập khác	31		11.051.369.510	2.831.746.806
12. Chi phí khác	32		16.177.550.759	470.996.401
13. (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40		(5.126.181.249)	2.360.750.405
14. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		(17.428.575.379)	8.685.268.176
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	-	1.054.506.785
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	18	(4.778.283.907)	(920.328.771)
17. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		(12.650.291.472)	8.551.090.162

Trần

Trần Thị Ngọc Thủy
 Người lập biểu
 Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Thị Thanh Hương

Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng



Phạm Anh Tuấn

Phạm Anh Tuấn
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01	(17.428.575.379)	8.685.268.176
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.721.307.758	3.718.556.391
Các khoản dự phòng	03	69.941.605	3.013.257.430
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(66.694.157)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(16.291.267.871)	(28.350.044.655)
Chi phí lãi vay	06	135.784.936.059	169.544.252.686
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	107.789.648.015	156.611.290.028
Biến động các khoản phải thu	09	143.039.190.920	(36.117.115.037)
Biến động hàng tồn kho	10	33.412.861.880	103.365.106.995
Biến động các khoản phải trả	11	(84.359.719.164)	70.602.010.069
Biến động chi phí trả trước	12	(1.071.462.158)	5.048.731.785
Tiền lãi vay đã trả	13	(166.643.756.951)	(191.307.398.127)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(3.181.869.418)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	12.983.892.401	141.344.927.972
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(12.738.910.012)	(143.961.800.728)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	32.411.744.931	102.403.883.539
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(4.653.611.250)	(25.479.800.722)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	6.286.800.211	387.441.644
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(6.091.932.000)	(16.023.510.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.930.000.000	14.358.818.466
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(430.000.000)	(38.151.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	1.000.000.000	206.500.000
7. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	4.184.315.127	19.515.016.105
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.225.572.088	(45.186.534.507)





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ
 9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012		2011	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(1.012.784.684)		
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.427.496.851.182	3.438.661.160.081		
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.501.857.730.931)	(3.506.082.655.375)		
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(16.399.697.531)		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(74.360.879.749)	(84.833.977.509)		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(34.723.562.730)	(27.616.628.477)		
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	60.033.597.123	87.531.524.387		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(23.898.825)	118.701.213		
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	25.286.135.568	60.033.597.123		

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 1.560.726.502 VND (năm 2011 là 3.540.726.502 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Trần Thị Ngọc Thủy

Trần Thị Ngọc Thủy
 Người lập biểu
 Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Thị Thanh Hương

Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng



Phạm Anh Tuấn

Phạm Anh Tuấn
 Tổng Giám đốc



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Toàn văn báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ sau:

<http://cnt.com.vn/index TTTC.php>

Xác nhận của người đại diện theo pháp luật của Công ty

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ĐỖ THỊ NGỌC BÌNH